

Số: **737** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **20** tháng **5** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt giao số lượng người làm việc năm 2020 cho các cơ quan,
đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 28/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII – Kỳ họp lần thứ 18 về việc phê duyệt số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2020;

Thực hiện Công văn số 5798/BNV-TCBC ngày 20/11/2019 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Quảng Ngãi năm 2020; Kết luận số 1292-KL/TU ngày 25/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập; khung định mức biên chế và phụ cấp lãnh đạo đối với các hội có tính chất đặc thù; công nhận Hội Từ yêu nước là hội có tính chất đặc thù;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 904/SNV-TCBC&TCPCP ngày 13/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giao số lượng người làm việc (*biên chế sự nghiệp*) năm 2020 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Giao 22.875 biên chế sự nghiệp năm 2020 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương (*bao gồm biên chế dự phòng*) trên địa bàn tỉnh.

(*Cụ thể tại Phụ lục số 1 kèm theo*).

2. Đối với 30 biên chế sự nghiệp UBND các huyện, thị xã, thành phố đã giao cho Hội Chữ thập đỏ (*hội có tính chất đặc thù*); đề nghị các địa phương tách thành mục riêng về biên chế Hội (*không nằm trong tổng số biên chế sự nghiệp được UBND tỉnh giao*) để quản lý cho phù hợp với quy định của pháp

luật về hội theo ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ tại các Công văn số: 1025/BNV-TCBC ngày 28/02/2017; số 1857/BNV-TCBC ngày 07/4/2017 và số 5798/BNV-TCBC ngày 20/11/2019

(Cụ thể tại Phụ lục số 2 kèm theo).

Điều 2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm thông báo giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp năm 2020 cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương để làm cơ sở sắp xếp, bố trí, tuyển dụng viên chức cho năm 2020 được kịp thời, đúng quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP (NC), KGVX, CBTH;
- Lưu: VT, NC, vi303.



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (BIÊN CHẾ) NĂM 2020 GIAO CỤ THỂ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



Phụ lục số 1

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế giao năm 2019					Biên chế giao năm 2020					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác	
4	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	CẤP TỈNH	6834	3010	200	3055	569	6720	2969	174	3055	522	
1	Văn phòng UBND tỉnh	0				0	0				0	
-	Trung tâm thông tin	0				0	0				0	
2	Văn phòng UBND tỉnh	13				13	13				13	
-	Trung tâm công báo và tin học	13				13	13				13	
3	Sở Nội vụ	13				13	11				11	
-	Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh	13				13	11				11	
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	68	0			68	58	0			58	
-	Trung tâm công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi	42				42	35				35	
-	Trung tâm điều dưỡng người có công	13				13	12				12	
-	Văn phòng xóa đói giảm nghèo	5				5	3				3	
-	Ban vì sự tiến bộ phụ nữ	1				1	1				1	
-	Quỹ bảo trợ trẻ em	7				7	7				7	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	255				255	236				236	
-	Chi cục QL chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản (BC SN, kể cả phòng thí nghiệm thuộc CC)	3				3	3				3	
-	Chi cục Kiểm lâm (biên chế sự nghiệp)	85				85	78				78	
-	Các Trạm Kiểm dịch động vật (Bình Sơn và Đức Phổ)	10				10	7				7	
-	Chi cục Phát triển nông thôn	7				7	7				7	
-	Trung tâm Khuyến nông	41				41	31				31	
-	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	8				8	8				8	
-	Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai	3				3	3				3	

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế giao năm 2019				Biên chế giao năm 2020				Ghi chú		
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế khác			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn	5				5	9				9	Tăng biên chế để bố trí nhân lực cho Tàu tuần tra Khu bảo tồn biển
-	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	6				6	6				6	
-	VP điều phối CTMTQG xây dựng Nông thôn mới	6				6	6				6	
-	Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi	81				81	78				78	
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	1				1	1				1	
-	Biên chế SN thuộc Chi cục Biển và Hải đảo	1				1	1				1	
7	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	131	19	110	0	2	115	17	96	0	2	
-	Trung tâm Văn hoá Nghệ thuật tỉnh	20		20			17		17			
-	Đoàn ca múa nhạc dân tộc	19		19			17		17			
-	Tạp chí Cẩm thành	5		5			4		4			
-	Thư viện tỉnh	15		15			12		12			
-	Bảo tàng tỉnh	19		19			16		16			
-	Ban QL KCT Sơn Mỹ	11		11			9		9			
-	Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT	21		21			21		21			
-	Trường năng khiếu TDTT	19	19				17	17				
-	Sự nghiệp xúc tiến du lịch	2				2	2				2	
8	Sở Thông tin và Truyền thông	13				13	12				12	
-	Trung tâm công nghệ thông tin và Truyền thông	13				13	12				12	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	27				27	25				25	
-	Trung tâm Ứng dụng và dịch vụ KHCN	27				27	25				25	
10	Sở Công Thương	13				13	12				12	
-	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	13				13	12				12	
11	Sở Tư pháp	24				24	23				23	
-	Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước	24				24	23				23	
12	BQL Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	25				25	24				24	
-	Trung tâm kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp Dung Quất	18				18	17				17	
-	Biên chế sự nghiệp thuộc Ban quản lý các KCN tỉnh (cũ) chuyển sang	7				7	7				7	

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế giao năm 2019										Biên chế giao năm 2020						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó									
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế		SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế		SN khác					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11						
13	Sở Xây dựng	2				2	2				2							
-	Biên chế sự nghiệp tại Sở	2				2	2				2							
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13				13	11				11							
-	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư	13				13	11				11							
15	Sở Giáo dục và Đào tạo (các đơn vị sự nghiệp trực thuộc)	2643	2643				2643	2643										
16	Sở Y tế	3104	49		3055		3102	47		3055								
-	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	1956			1956		1956			1956		Kể cả 66 biên chế giao cho Trung tâm Y tế thành phố sau khi sáp nhập BVĐK thành phố						
-	Các Trạm y tế xã	1099			1099		1099			1099								
-	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	49	49				47	47										
17	Trường đại học Phạm Văn Đồng	291	291				254	254										
18	Đài phát thanh Truyền hình	90		90			78		78									
19	Trường Cao đẳng VN-HQ-Quảng Ngãi	86				86	80				80							
20	Văn phòng Ban An toàn giao thông	1				1	1				1							
21	Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động	7				7	5				5							
22	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	2				2	2				2							
23	Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên Diên Hồng tỉnh Quảng Ngãi	8	4			4	8	4			4		Số người làm việc được phân bổ đến khi chuyển sang khối Đảng để quản lý					
24	Trung tâm Hồ trợ, dịch vụ và Đào tạo nghề Nông dân- Phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi	4	4				4	4										
II	CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ	16295	15680	232	38	345	16119	15675	187	7	250							
1	Thành phố Quảng Ngãi	2529	2474	18	3	34	2519	2474	17	0	28							
2	Huyện Bình Sơn	2136	2079	15	2	40	2120	2079	12	0	29							
3	Huyện Sơn Tịnh	1061	1023	14	4	20	1050	1023	12	0	15							
4	Huyện Tư Nghĩa	1425	1382	16	4	23	1419	1382	16	3	18							
5	Huyện Nghĩa Hành	1002	967	14	3	18	988	967	10	0	11							
6	Huyện Mộ Đức	1519	1479	14	2	24	1508	1479	10	0	19							
7	Huyện Đức Phổ	1585	1544	14	3	24	1571	1544	12	0	15							

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế giao năm 2019						Biên chế giao năm 2020						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó						
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
8	Huyện Sơn Tây	640	602	16	2	20	622	599	11	0	12			
9	Huyện Sơn Hà	1179	1137	17	2	23	1164	1136	11	0	17			
10	Huyện Minh Long	434	398	15	3	18	427	398	12	1	16			
11	Huyện Ba Tơ	1095	1050	17	2	26	1091	1050	15	1	25			
12	Huyện Lý Sơn	350	305	20	3	22	340	305	20	1	14			
13	Huyện Trà Bồng	748	693	23	2	30	731	693	20	0	18			
14	Huyện Tây Trà	592	547	19	3	23	569	546	9	1	13		Từ tháng 4/2020, chuyển toàn bộ 569 biên chế về UBND huyện Trà Bồng quản lý do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của UBTVQH	
III	Biên chế dự phòng	467					36							
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	23596	18690	432	3093	914	22875	18644	361	3062	772			

Từ tháng 4/2020, chuyển toàn bộ 569 biên chế về UBND huyện Trà Bồng quản lý do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của UBTVQH

Ghi chú: Biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế giao cho UBND các huyện, thị xã, thành phố không bao gồm 30 biên chế sự nghiệp các địa phương đã giao cho Hội Chữ thập cấp huyện ./.